TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2025/KDTM-PT
Ngày 31/3/2025
V/v *"Tranh chấp hợp đồng xây dựng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

***Các Thẩm phán*:** Ông Bùi Đức Bằng

Ông Tống Quốc Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Chiêm - Kiểm sát viên

Trong các ngày 25 và 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 227/2024/TLPT-KDTM ngày 15/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc "Tranh chấp hợp đồng xây dựng".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2024/KDTM-ST ngày 19/06/2024 của Tòa án nhân dân quận HM, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 831/2024/QĐ-PT ngày 19/12/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐ-PT ngày 15/01/2025; Thông báo về việc thời gian mở lại phiên tòa số 115/2025/TB-TA ngày 27/02/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn N

Địa chỉ: Phường A, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang

Người đại diện theo pháp luật: Ông T - Giám đốc; có mặt

- Bị đơn: Công ty cổ phần xuất H

Địa chỉ: Phường B, quận HM, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông D - Giám đốc; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Công ty cổ phần H và Công ty trách nhiệm hữu hạn N có ký hợp đồng kinh tế số 1116/HĐKT/2020 về việc thi công san nền lô 11, 12 công trình hạ tầng kho bãi trung tâm Logistics Quốc tế thành phố Bắc Giang chi tiết như sau:

Thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 12/11/2020 cho đến ngày 23/12/2020 Công ty trách nhiệm hữu hạn N đã đắp đất tại lô 11, 12 công trình hạ tầng kho bãi trung tâm Logistics Quốc tế thành phố Bắc Giang khối lượng như sau:

1. Đắp đất K90 còn lại lô 11, đơn vị M3, khối lượng 40.365,406, đơn giá 90.000đ/m3, thành tiền: 3.632.886.540 đồng.

2. Đắp đất K90 còn lại lô 12, đơn vị M3, khối lượng 19.993.020, đơn giá 90.000đ/m3, thành tiền: 1.799.371.800 đồng.

Tổng cộng: 60.358.426 M3; thành tiền 5.432.258.340 đồng;

Hồ sơ thanh toán gồm: Hợp đồng kinh tế số 1116/HĐKT/2020/VN-HM ngày 12/11/2020; Hồ sơ khối lượng lần 1 tháng 12/2020; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000468 ngày 23/12/2020.

Công ty cổ phần H đã thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn N số tiền 3.430.000.000 đồng. Cụ thể: Ngày 26/11/2020: 300.000.000 đồng; ngày 25/12/2020: 50.000.000 đồng; ngày 19/01/2021: 1.000.000.000 đồng; ngày 28/01/2021: 1.000.000.000 đồng; ngày 05/01/2021: 500.000.000 đồng; ngày 19/11/2021: 100.000.000 đồng; ngày 03/12/2021: 50.000.000 đồng; ngày 28/01/2022: 200.000.000 đồng; ngày 31/8/2022: 200.000.000 đồng, ngày 17/01/2023: 30.000.000 đồng.

Nợ cũ của Công ty cổ phần H với Công ty trách nhiệm hữu hạn N (Công trình chạy đất Hòa Phú tháng 05/2018) là 55.425.000 đồng.

Như vậy Công ty cổ phần H còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn N số tiền là 2.057.683.340 đồng.

Tính đến nay đã hết thời hạn hợp đồng ký kết giữa hai bên, Công ty trách nhiệm hữu hạn N đã nhiều lần đôn đốc bằng văn bản yêu cầu thanh toán nhưng Công ty cổ phần H vẫn không thanh toán số tiền còn nợ.

Công ty trách nhiệm hữu hạn N yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty cổ phần H thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn N số tiền 2.057.683.340 đồng. Công ty cổ phần H phải chịu mọi chi phí phát sinh.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh Hải có thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau: Không yêu cầu Công ty cổ phần H phải trả số tiền 55.425.000 đồng là tiền nợ cũ của Công ty cổ phần H với Công ty trách nhiệm hữu hạn N (Công trình chạy đất Hòa Phú tháng

05/2018) và số tiền 807.258.340 đồng là tiền Công ty cổ phần H đã trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn N thành nhiều lần được thể hiện qua tin nhắn điện thoại. Do vậy, Công ty trách nhiệm hữu hạn N yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần H phải trả số tiền là 1.195.000.000 đồng.

Bị đơn và người đại diện của bị đơn trình bày:

Công ty cổ phần H đã nhận được đơn khởi kiện ngày 18/8/2023 của Công ty trách nhiệm hữu hạn N đối với Công ty cổ phần H tại Tòa án liên quan hợp đồng kinh tế số 1116/HĐKT/2020 về việc thi công san nền lô 11, 12 công trình hạ tầng kho bãi trung tâm Logistics Quốc tế thành phố Bắc Giang. Bị đơn có ý kiến như sau:

Việc ký hợp đồng ngày 12/11/2020 với thời gian thực hiện trong vòng 30 ngày Công ty trách nhiệm hữu hạn N đã không hoàn thành theo quy định và chưa có văn bản giải trình về việc chưa hoàn thành mà được Công ty cổ phần H chấp thuận.

Công ty trách nhiệm hữu hạn N đã không đệ trình các văn bản bao gồm hồ sơ mỏ đất được phê duyệt, hồ sơ chất lượng, các kết quả thí nghiệm độ chặt các lớp, chỉ có hồ sơ thanh toán lần 1, chưa có hồ sơ quyết toán công trình làm cơ sở Công ty cổ phần H nghiệm thu quyết toán và bàn giao công trình đưa vào sử dụng, chuyển sang nghĩa vụ bảo hành và là điều kiện quyết toán hợp đồng theo quy định.

Công ty cổ phần H rất nhiều lần yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn N hoàn thiện các thủ tục quyết toán hợp đồng nhưng Công ty trách nhiệm hữu hạn N không có cán bộ phụ trách có chuyên môn hoàn thiện các thủ tục theo tiêu chuẩn dự án.

Theo Điều 5.3 của Hợp đồng kinh tế, Công ty cổ phần H sẽ thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn N đến 95% giá trị quyết toán công trình, hoặc 100% giá trị quyết toán công trình khi có bảo lãnh bảo hành của ngân hàng bên Công ty trách nhiệm hữu hạn N trong vòng 05 ngày kể từ khi Công ty cổ phần H nhận được tiền thanh toán từ chủ đầu tư.

Thực tế Công ty cổ phần H chưa nhận được hồ sơ quyết toán của Công ty trách nhiệm hữu hạn N, công trình chưa được bàn giao đưa vào sử dụng, cũng như Công ty cổ phần H chưa nhận được tiền của chủ đầu tư. Do vậy, Công ty cổ phần H không có cơ sở để quyết toán hợp đồng 1116/HĐKT/2020/VN-HM ngày 12/11/2020 cho Công ty trách nhiệm hữu hạn N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty cổ phần H đã xuất trình hồ sơ thanh toán lần 1, biên bản số 01/NTKLHT nghiệm thu khối lượng xây lắp không có ngày chỉ đề tháng 12 năm 2020, bảng tổng hợp khối lượng đã hoàn thành không có ngày chỉ đề tháng 12 năm 2020, biên bản xác nhận số tiền tạm ứng thực tế là 4.336.390.000 đồng kèm theo các tài liệu chứng minh. Do vậy chỉ còn lại số tiền 1.095.868.340 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2024/KDTM-ST ngày 19/06/2024 của Tòa án nhân dân quận HM, thành phố Hà Nội đã xử:

Căn cứ:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 184; Điều 217, điều 218 điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 319 Luật thương mại 2015.

Căn cứ Điều 401; Điều 402; Điều 403; Điều 404; Điều 405; Điều 406 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 22 của Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính Phủ.

Căn cứ điểm c mục 1.4 danh mục mức án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH XD và TM Vĩnh Ninh đối với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xây dựng Hoàng Mai.

Buộc Công ty CP Xuất nhập khẩu Xây dựng Hoàng Mai phải thanh toán trả cho Công ty TNHH XD và TM Vĩnh Ninh số tiền là: 597.500.000 đồng. (Năm trăm chín mươi bảy triệu, năm trăm năm nghìn đồng).

2. Về án phí:

- Công ty CP Xuất nhập khẩu Xây dựng Hoàng Mai phải chịu 27.900.000 đồng (Hai mươi bảy triệu, chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (chưa nộp).

Công ty TNHH XD và TM Vĩnh Ninh phải chịu 27.900.000 đồng (Hai mươi bảy triệu, chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2022/000430 ngày 09/10/2023 tại Chi cục thi hành án quận Hoàng Mai. Do vậy, Công ty Vĩnh Ninh được nhận lại 8.100.000 đồng (Tám triệu, một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt ông Nguyễn Thanh Hải – Đại diện ủy quyền của Công ty TNHH XD và TM Vĩnh Ninh; Có mặt ông Đoàn Anh Dũng - Đại diện theo pháp luật của Công ty CP Xuất nhập khẩu Xây dựng Hoàng Mai.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm,

- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận HM kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 1.195.000.000 đồng.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn

Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật. Do nguyên đơn không cung cấp đầy đủ hồ sơ quyết toán theo thỏa thuận trong hợp đồng, nên bị đơn không có căn cứ để thanh toán cho nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận HM, thành phố Hà Nội, sửa bản án sơ thẩm, cụ thể: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do rút yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận yêu cầu đòi thanh toán 95% giá trị khối lượng hoàn thành bị đơn chưa thanh toán; Sửa lại phần án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận HM được nộp trong thời hạn luật định; Đơn kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn N được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn N với Công ty cổ phần H phát sinh từ hợp đồng xây dựng, nên được xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại.

Bị đơn là Công ty cổ phần H có địa chỉ tại phường B, quận HM, thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân quận HM, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] - Về nội dung kháng nghị, kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Ngày 12/11/2020 Công ty trách nhiệm hữu hạn N và Công ty cổ phần H đã ký kết hợp đồng kinh tế số 1116/HĐKT/2020 về việc thi công san nền lô 11, 12 công trình hạ tầng kho bãi trung tâm Logistics Quốc tế thành phố Bắc Giang.

Thực hiện hợp đồng, Công ty trách nhiệm hữu hạn N đã đắp đất tại lô 11 và lô 12 với tổng khối lượng 60.358.426 M3, tổng giá trị 5.432.258.340 đồng.

Theo Hợp đồng kinh tế số 1116/HĐKT/2020 tại mục 5.3 Điều 5 Công ty trách nhiệm hữu hạn N và Công ty cổ phần H thỏa thuận về việc thanh quyết toán như sau:

- Thanh toán: Sau khi bên B thực hiện được 30.000 m^3 thì bên A tạm ứng cho bên B 80% tổng giá trị khối lượng, 20% còn lại cộng dồn vào đợt tiếp theo và cũng được tạm ứng như trên.

- Quyết toán: Sau khi bên B thi công hoàn thành hạng mục công trình, hai bên tiến hành nghiệm thu quyết toán và bàn giao đưa công trình vào sử dụng. Bên A sẽ thanh toán cho bên B đến 95% giá trị quyết toán công trình, hoặc 100% giá trị quyết toán công trình khi có bảo lãnh của ngân hàng bên B trong vòng 5 ngày kể từ khi bên A nhận được tiền thanh toán từ Chủ đầu tư.

Căn cứ Biên bản số 01/NTKLHT ngày 15/12/2020 về việc nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành, chủ đầu tư Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang

đã xác nhận: Nghiệm thu khối lượng xây lắp nhà thầu đã thực hiện từ ngày 16/11/2020 đến ngày 15/12/2020. Sau khi kiểm tra các căn cứ nghiệm thu, các biên bản nghiệm thu và bảng tính toán chi tiết khối lượng xây lắp đã thực hiện, các bên thống nhất nghiệm thu khối lượng. Đồng thời có kết luận: Chấp thuận nghiệm thu, đồng ý cho nhà thầu thi công thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành, nên đủ cơ sở để xác định rằng Công ty trách nhiệm hữu hạn N đã thi công hoàn thành hạng mục công trình, chủ đầu tư Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang đã chấp nhận nghiệm thu, đồng ý cho nhà thầu thi công thanh toán, nên Công ty cổ phần H phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn N.

Do nguyên đơn không cung cấp được bảo lãnh của ngân hàng, đồng thời bị đơn cung cấp Biên bản đối chiếu công nợ ngày 28/5/2024, Công văn số 285/CV-LOG ngày 28/5/2024 xác nhận chủ đầu tư chưa thanh toán tiền cho bị đơn. Do đó, không đủ điều kiện để thanh toán 100% giá trị quyết toán công trình theo như thỏa thuận của các bên trong hợp đồng, nên Công ty cổ phần H chỉ có nghĩa vụ thanh toán 95% giá trị quyết toán công trình cho Công ty trách nhiệm hữu hạn N, tương ứng số tiền 5.432.258.340 đồng x 95% = 5.160.645.423 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty trách nhiệm hữu hạn N và Công ty cổ phần H đều xác nhận: Công ty cổ phần H đã thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn N 4.336.390.000 đồng, nên Công ty cổ phần H còn phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn N số tiền là: 5.160.645.423 đồng – 4.336.390.000 đồng = 824.255.423 đồng

Án sơ thẩm cho rằng Công ty trách nhiệm hữu hạn N và Công ty cổ phần H đều có lỗi trong quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng, nên chỉ buộc Công ty cổ phần H thanh toán ½ số tiền 1.195.000.000 đồng là 597.500.000 đồng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn N là không đúng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền 55.425.000 đồng là tiền nợ cũ của bị đơn với nguyên đơn (Công trình chạy đất Hòa Phú tháng 05/2019). Án sơ thẩm không đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện này là thiếu sót, nên sửa lại.

Từ những phân tích trên và theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận HM, thành phố Hà Nội, chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn N, sửa bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do sửa án sơ thẩm, nên Công ty trách nhiệm hữu hạn N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Từ những nhận định trên.

Căn cứ Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 401; Điều 402; Điều 403; Điều 404; Điều 405; Điều 406 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Áp dụng Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính Phủ.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận HM, thành phố Hà Nội

- Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn N

- Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2024/KDTM-ST ngày 19/06/2024 của Tòa án nhân dân quận HM, thành phố Hà Nội và xử như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn N đối với Công ty cổ phần H.

Buộc Công ty cổ phần H thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn N số tiền 824.255.423 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền 55.425.000 đồng là tiền nợ cũ của bị đơn với nguyên đơn (Công trình chạy đất Hòa Phú tháng 05/2019)

3. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty cổ phần H phải nộp 36.727.662 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm

- Công ty trách nhiệm hữu hạn N phải nộp 13.580.645 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trừ vào 36.000.0000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm (đã nộp) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000430 ngày 09/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận HM, thành phố Hà Nội, nên được trả lại 22.419.355 đồng.

4. Về án phí phúc thẩm:

Hoàn trả Công ty trách nhiệm hữu hạn N 2.000.0000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm (đã nộp) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0033921 ngày 24/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận HM, thành phố Hà Nội

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tp Hà Nội;
- CCTHADS quận HM, tp Hà Nội;
- TAND quận HM, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Sơn